

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 25

Phẩm 6: NÓI VỀ TÙY MIÊN (PHẦN 1)

Đã nói về các nghiệp, trong khế kinh chỗ nào cũng nói nghiệp chiêu cảm hữu, nhưng thấy người đã lìa nhiễm thế gian, dù tạo nghiệp thiện, nhưng không có công năng chiêu cảm quả của hữu sau, nên đối với chiêu cảm hữu, nghiệp lẽ ra chẳng phải nhân. nghiệp riêng làm nhân không phải điều ta thừa nhận, phải do sức giúp đỡ của tùy miên, mới có thể chiêu cảm hữu, nên giáo duyên khởi, đầu tiên là nói tùy miên.

Tùy miên này lại do đâu? Tùy miên có bao nhiêu?

Tụng rằng:

*Tùy miên, gốc các hữu
Sai khác này có sáu
Gọi tham, giận cũng mạn
Vô minh, kiến và nghi.*

Luận chép: Do các tùy miên là gốc các hữu, nên cần những tùy miên này phát ra nghiệp có chiêu cảm công năng hữu. Vì tên hữu trong đây, gọi quả ba hữu, nên người lìa nhiễm, dù tạo nghiệp thiện, mà không có thế lực nào chiêu cảm quả của hữu sau.

Tùy miên như thế lược có sáu thứ, đó là tham, giận, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Tụng nói cũng thuyết liễu nghĩa của đồng loại, nghĩa là giận như tham, dù có nhiều loại, nhưng có thể gọi chung là một tùy miên. Mạn, v.v... cũng vậy, nên lại nói cũng. Hoặc ở đây biểu thị rõ, như hành tướng tham và giận khác nhau, nên lập riêng hành tướng mạn, v.v... như thế, dù đồng, nhưng vì nghĩa khác có khác, nên cũng lập riêng và nói vì giải thích rõ y cứ ở trái nhau, hoặc biểu thị rõ gồm nhiếp chung hết loại tùy miên.

Nếu các số tùy miên chỉ có sáu, thì vì sao kinh lại nói có bảy tùy miên?

Tụng rằng:

*Sáu do tham khác bảy
Hữu tham: hai cõi trên
Vì chuyển ở môn trong
Ngăn dứt tướng giải thoát.*

Luận chép: Tức chia tham làm hai trong sáu tùy miên đã nói ở trước, nên kinh gọi là bảy.

Vì tham dục Có sự sai khác của tướng tham, nên ái sắc, Vô sắc, Đức Phật nói hữu tham, vì tham kia phần nhiều nhờ chuyển biến môn trong. Lại, ở hai cõi trên, có khởi tướng giải thoát. Vì ngăn dứt lối chấp kia, nên đặt tên hữu. Do hữu này nên nói nghĩa sinh thân của mình. Đã nói có tham ở hai cõi trên, về nghĩa y cứ ở cõi Dục, tham là tham dục, nên ở trong bài tụng không chỉ rõ riêng, vì nhiều duyên năm dục chuyển biến ở môn ngoài, nên như trước đã nói sáu thứ tùy miên.

Lại, y cứ ở môn khác để lập làm mười.

Tụng rằng:

*Sáu do kiến khác mười
Khác, là có thân kiến
Biên chấp kiến, tà kiến
Kiến thủ, giới cấm thủ.*

Luận chép: Kiến hạnh trong sáu tùy miên khác là năm. Pháp khác chẳng phải kiến năm, tích số, tổng thành mười, tức sáu thứ trước.

Lại, y cứ ở môn khác để thành chín mươi tám, tướng của môn ấy thế nào?

Tụng rằng:

*Sáu hành, giới bộ khác
Nên thành chín mươi tám
Cõi Dục: kiến khổ dứt
Mười, bảy, bảy, tám, bốn
Như thứ lớp là đủ
Ba, hai kiến, kiến, nghi
Sắc, Vô sắc, trừ sân
Khác đều nói như Dục.*

Luận chép: Sáu thứ tùy miên, vì sự sai khác của môn giới bộ hành, nên thành chín mươi tám. Nghĩa là do kiến hạnh trong sáu khác, kiến lập làm mười, như trước đã nói về tức mười thứ tùy miên đã nói về

ở đây, giới bộ khác nhau, thành chín mươi tám. Bộ, là kiến bốn đế, năm bộ do tu dứt. Giới, nghĩa là ba cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc. Vả lại, năm bộ ở cõi Dục khác nhau. Nhân mười tùy miên thành ba mươi sáu, nghĩa là kiến khổ đế, đến tu dứt, như thứ lớp có mười, bảy, tám, bốn, tức năm bộ trên. Ở mười tùy miên, một, hai, một, một, như thứ lớp đó, lia đủ ba kiến. Hai kiến, kiến, nghi, nghĩa là kiến khổ đế, đã dứt đủ mười. Vì tất cả đều trái với kiến khổ đế, nên kiến tập, diệt đế đã dứt đều bảy, lia có thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, đối tượng dứt của đạo đế là tám. Ở bảy dứt trước thêm giới thủ. Tu dứt có bốn, lia kiến và nghi.

Như thế hợp thành ba mươi sáu thứ, ba mươi hai danh trước, do kiến dứt, khi vừa kiến đế, vì danh kia liền dứt, nên sau cuối có bốn gọi là tu dứt. Kiến bốn đế rồi, trong thời gian sau, thường thường tập đạo, tùy miên kia mới dứt. Do đó, đã giải thích rõ, Tát-ca-da kiến trong mười tùy miên, chỉ ở một bộ, nghĩa là đối tượng dứt của kiến khổ, biên chấp kiến cũng vậy.

Giới cấm thủ ở chung hai bộ, là đối tượng dứt của kiến khổ, kiến đạo.

Tà kiến có cả bốn bộ, gọi là đối tượng dứt của kiến khổ, tập, diệt, đạo. Kiến thủ, nghi cũng vậy.

Bốn thứ như tham, v.v... khác đều có cả năm bộ, nghĩa là kiến bốn đế và tu dứt.

Như thế, nói chung kiến được chia làm mười hai, nghi bốn, bốn thứ còn lại, các thứ đều có năm, nên trong cõi Dục có ba mươi sáu. Trong đây, nếu kiến duyên khổ làm cảnh, gọi là kiến khổ, tức là pháp khổ, khổ loại trí nhãn. Hai đối tượng dứt này, gọi chung gọi là đối tượng dứt của kiến khổ, cho đến đối tượng dứt của kiến đạo cũng như vậy.

Thường tu tập gọi là tu, nghĩa là người kiến tích vì được nghĩa trên, nên đối với các trí như khổ trí, v.v..., thường huân tập, gọi là tu, được trừ do đạo này, gọi là đối tượng dứt của tu. (Tu sở dứt).

Năm bộ của cõi Sắc, Vô sắc, mỗi bộ đều dứt trừ sân, vì phần còn lại đồng với dục, nên gọi là ba mươi một.

Do đó, tất cả luận sư Chánh Lý đều dùng sáu tùy miên, y cứ ở sự sai khác của môn giới bộ hành, nên lập chín mươi tám.

Trong chín mươi tám ở đây nói thì tám mươi tám kiến đã dứt, vì bị hại do nhãn, nên mười tùy miên do tu dứt, vì bị trí hại, nên y cứ ở cõi, không phải ở địa, để kiến lập tùy miên. Vì lia tham của cõi, lập biết khắp, nghĩa là bốn tinh lự. Tánh của các pháp phiền não có chút giống nhau, nên dù có bốn địa, nhưng hợp gọi là một, ở bốn Vô sắc, hợp nói

cũng vậy. Kinh chỉ nói tham của Sắc, tham của Vô sắc, v.v...

Vì sao ở cõi trên không có tùy miên sân?

Vì sự tùy miên sân kia chẳng phải có, nghĩa là ở khổ thọ có sân tùy tăng, vì khổ thọ sân tùy tăng kia không có, nên sân chẳng có. Lại, tùy miên kia nối tiếp nhau vì thẩm nhuần định, vì ở cõi trên không có dị thực giận.

Có nói: Ở cõi trên kia không Có sự náo hại, vì chỗ cư trú của các căn thiện như từ, v.v..., vì đối với đối tượng thâm nhiếp đều xa lìa, nên nói tám mươi tám kiến, v.v... bị dứt.

Kiến, tu dứt này là chắc chắn như vậy chăng? Không như thế thì thế nào?

Tụng rằng:

*Tùy miên bị nhẩn trừ
Hữu đánh chỉ kiến dứt
Khác, có kiến, tu dứt
Bị trí hại chỉ tu.*

Luận chép: trong các tùy miên bị nhẩn hại, thuộc về địa Hữu đánh, chỉ do kiến dứt, vì chỉ loại trí nhẩn, mới có thể dứt, thuộc về tám địa khác, có cả kiến, tu dứt, nghĩa là bậc Thánh dứt, chỉ kiến không phải tu, vì pháp loại trí nhẩn như ứng dứt, nếu phạm phu dứt tùy miên, thì chỉ tu, không phải kiến, vì thường do tập trí thế tục dứt, nên các tùy miên bị trí hại. Thuộc về tất cả địa, chỉ do tu dứt, do các bậc Thánh và các phạm phu, như đối tượng thích ứng của họ, đều do thường tập trí thế tục vô lậu dứt.

Như trước đã nói về trong sáu tùy miên, do hành có khác, kiến được chia làm năm, danh ở trước đã nêu, còn tự thể ra sao?

Tụng rằng:

*Ngã, ngã sở, đoạn, thường
Bác không, thua, gọi hơn
Không nhân đạo, vọng cho
Là tự thể năm kiến.*

Luận chép: Do sức của nhân giáo, có các người ngu, chấp ngã, ngã sở trong năm thủ uẩn, kiến này gọi là Tát ca da kiến, vì có gọi là tát, nhóm gọi là ca-da, biểu thị rõ đối tượng duyên này có mà chẳng phải một, tức đối với sự chấp ngã, ngã sở, chấp dứt, chấp thường, gọi là biên chấp kiến, vì chấp thủ giả dối bên đoạn, thường, nên ở trong các đế như khổ đế, v.v... thể là thật có, khởi kiến bác bỏ không có, gọi là tà kiến. Năm thứ kiến luống dối đều chuyển biến điên đảo, đều nên gọi

là tà, mà chỉ bác bỏ không có, gọi là tà kiến. Vì quá lắm, như nói: Bơ hôi, xấu ác, chấp ác, v.v..., đây chỉ tổn, giảm. Vì tăng ích khác, nên đối với kém thua, gọi là hơn, gọi là kiến thủ. Hữu lậu gọi là yếu kém, vì bị Thánh dứt. nên chấp thua kém là hơn, gọi chung là kiến thủ. Về lý, thật sự nên lập, kiến, v.v... chấp lấy danh, nói lược bỏ, v.v..., chỉ gọi là kiến thủ, hoặc vì kiến vượt hơn, nên chỉ nêu kiến danh. Dùng kiến làm thủ đầu tiên, vì pháp khác, nên đối với không phải nhân đạo, cho là nhân kiến đạo. Tất cả nói chung, gọi là giới cấm thủ, cho là tánh khi đại tự tại, hoặc pháp khác, thật sự không phải nhân khổ, khởi giả đối nhân chấp. Đạo có hai thứ:

1. Đạo tăng thượng sinh.
2. Đạo chắc chắn vượt hơn.

Các thứ tà hạnh: như nhảy vào lửa, nhảy xuống nước, v.v... không phải nhân sinh lên cõi trời. Chấp giả dối làm nhân, gọi là đạo thứ nhất, chỉ vâng giữ tánh giới cấm, sĩ phu, trí giả, v.v... không phải nhân giải thoát, chấp giả dối là nhân, gọi là đạo thứ hai, trừ, v.v... như trước. Hoặc giới cấm vượt hơn, nên chỉ đặt tên giới cấm thủ, nên biết tự thể của năm kiến như thế, hoặc đối với tự tại, v.v... không phải nhân chấp là nhân.

Như vậy, giới cấm thủ mê ở nghĩa nhân.

Vì sao kiến này không phải kiến tập dứt?

Tụng rằng:

*Đối với Đại tự tại...
Không nhân, vọng chấp nhân
Từ thường ngã, đảo sinh
Nên chỉ kiến khổ dứt.*

Luận chép: Đối với tự tại, v.v..., không phải nhân, chấp là nhân, người ấy không thể quán sát lý sâu xa, chỉ đối với nghĩa quả thô của các uẩn tự tại, v.v..., giả dối cho là thường, nhất, ngã, tác giả. Đây là thượng thủ, mới chấp làm nhân. Cho nên, chấp này do kiến khổ dứt, gọi là chấp ngã, là có thân kiến, đối với nghĩa quả khổ, vì chấp giả dối là ngã, nên hiện quán khổ, ngã chấp liền trừ, trí phi ngã sinh, không phải ở vị sau. Nếu có ngã kiến, do kiến tập, v.v... dứt. Vì ngã kiến tùy theo trong sự nối tiếp nhau, tức không phải ngã trí, nên không được sinh, do kiến chỉ pháp, bấy giờ, vì ngã kiến liền diệt, nên không phải ngã trí khởi.

Ngã kiến đã dứt trừ, nhưng có ngã kiến. Ở trong pháp nối tiếp nhau như tự tại, v.v... chấp một ngã rồi, kể là ở trên pháp nối tiếp nhau kia khởi biên chấp kiến, so chấp là thường. Do đấy, nên biết hai chấp thường, ngã đối với pháp tự tại, v.v... chỉ do kiến khổ dứt, do các hành

vô lậu không phải thường, v.v..., khi kiến khổ đế hai kiến đã diệt, đối với tự tại, v.v... không phải nhân, chấp nhân, tùy theo hai kiến sinh cũng đều lúc diệt, nên nói chấp nhân, chấp chỉ do kiến khổ dứt, nhưng trong phi đạo, chấp là đạo. Nếu trái với kiến đạo mạnh mẽ, thì tức là kiến đạo dứt.

Lẽ nào không như chấp tự tại, v.v... làm nhân, chấp khổ làm nhân chẳng? Chỉ thừa nhận kiến khổ dứt, không phải kiến tập dứt.

Như thế, lẽ ra cũng đối với phi đạo, chấp là đạo, chấp khổ là đạo, chỉ thừa nhận kiến khổ dứt, không phải kiến đạo dứt?

Vấn nạn này không đúng, vì đối với khổ đế, kiến không phải thường, v.v..., vì không phải đối trị kiến kia, nghĩa là nếu có chấp tự tại, v.v... làm nhân, thì trước phải chấp là vô thủ, vô chung, nên nhân này chấp chỉ kiến khổ dứt, do tưởng không phải thường, v.v..., trị tưởng thường, v.v... nên không phải kiến khổ đế, khi không phải thường, v.v... có thể trị chấp không phải đạo chấp là đạo nên chấp đạo kia chẳng phải kiến khổ dứt. Do đó, cũng ngăn dứt kiến tập dứt. Vì kiến nhân, v.v... không phải trị kia, nghĩa là không phải khi ở tập thấy nhân có thể trị chấp phi đạo là đạo, phải ở đạo để khi kiến đạo, v.v... mới có thể trị chấp đạo không phải đạo kia, nên chấp đạo kia nên là kiến đạo dứt.

Nếu vậy, không phải đạo chấp là đạo, về lý phải có cả kiến tập, diệt, dứt, nghĩa là như tà kiến bác bỏ không có chân đạo. Về sau, tức chấp đạo này có thể được thanh tịnh.

Giới cấm thủ ấy thừa nhận kiến đạo dứt. Tà kiến như thế, bác bỏ không có tập, diệt, về sau, cũng chấp là có thể được thanh tịnh.

Hai giới cấm thủ kia lẽ ra do kiến tập, diệt dứt chẳng?

Vấn nạn này không đúng, vì thể không thành, nghĩa là giới cấm thủ, thể nó có hai:

1. Không phải nhân, chấp là nhân.
2. Không phải đạo, chấp là đạo.

Nếu có chấp nhân kia, tà kiến chê bai tập, có thể được thanh tịnh.

Lẽ nào không phải kiến này không có dứt nhân tập, thì không nên sinh, vì đều không có tâm, vì tin có nhân. Lại, vì khổ và tập không có vật riêng, nên uẩn tự tại, v.v... lẽ ra cũng bị bác bỏ? Nếu có tà kiến chấp chê bai diệt kia có thể được thanh tịnh, lẽ nào không phải kiến này chẳng có tác dụng chứng diệt thì không nên sinh chẳng?

Làm sao đã bác bỏ không có kiến diệt đế, về sau, lại chấp phương tiện diệt, chẳng phải không là vô ích hay sao? Như vậy sẽ không thành

thể của giới cấm thủ, mà nói phải có, nên đó không phải vấn nạn.

Sao không phải vấn nạn?

Vì kiến đạo dứt, nên thể của giới cấm thủ lẽ ra cũng không thành, vì sau khi bác bỏ không Có kiến đạo để, tức chấp có đạo, lẽ ra không thành, nghĩa là tà kiến duyên đạo để, hoặc nghi. Hoặc bác bỏ hoặc nghi ngờ không có đạo giải thoát.

Sao chấp đạo để này có thể được thanh tịnh mãi mãi?

Thể của giới cấm thủ này chẳng phải không thành, vì thừa nhận có đối với tà kiến chê bai đạo, chấp làm chủ thể chứng đạo thanh tịnh mãi mãi, vì chấp kia là hiểu như lý, nghĩa là tà kiến kia, trước dùng đạo giải thoát khác, chứa cất ở trong tâm, sau tà kiến chấp không phải chê bai chân đạo, vì giác như lý. Nói như lý, nghĩa là người tà kiến kia cho rằng, bác, nghi đạo chân giải thoát là không điên đảo, vì như lý nên chấp làm nhân tịnh, do nhân này được thành thể của giới cấm thủ, tâm họ đã chứa cất đạo giải thoát khác, không phải đối tượng dứt của kiến đạo, đối tượng duyên của giới cấm thủ, vì họ chỉ duyên pháp của bộ mình, nên đạo có nhiều loại, về lý không có lỗi.

Nếu vậy, thì kiến diệt dứt, thể của giới thủ lẽ ra cũng thành, vì đồng với đạo, nghĩa là có kẻ trước dùng uẩn, xứ giải thoát khác ở trong tâm, sau, tà kiến chấp chê bai chân giải thoát vì giác ngộ đúng như lý. Vì đúng như lý nên chấp làm nhân tịnh chẳng?

Như trước, lẽ ra thành thể của giới cấm thủ, không có việc ấy, vì thừa nhận chung giải thoát là thường, là vắng lặng, tâm chấp chê bai chân giải thoát kia làm nhân thanh tịnh, vì về lý không thành, nên như thừa nhận thể Niết-bàn thật, không phải thật, nghĩa là nếu dùng phương tiện mong cầu giải thoát, thì người kia lẽ ra chắc chắn thừa nhận có giải thoát. Đối với kẻ đã thừa nhận giải thoát quyết định có, thì phải thừa nhận thể của giải thoát kia là thường, vắng lặng. Nếu không thừa nhận như thế, thì không nên mong cầu, như trong chánh pháp, đối với thể Niết-bàn dù có, gọi là thật, gọi là khác với chẳng phải thật, nhưng vẫn đồng thừa nhận Niết-bàn kia là thường, là vắng lặng, nên đối, với không phải bác bỏ kiến đều có là lỗi.

Như thế, nếu có người dùng giải thoát khác cất chứa trong tâm, thì người ấy phải thừa nhận nhân chung Niết-bàn là thường, vắng lặng. Do đó, không chấp chê bai giải thoát, vì kiến là giả đúng như lý, nên kiến diệt dứt, giới thủ chắc chắn không có. Lại, như Thiên Thọ (Đề-bà-đạt-đa) dù thừa nhận chung có Niết-bàn thường, vắng lặng, nhưng lia tám chi, chấp riêng năm pháp là đạo giải thoát, là chấp của ngoại đạo, về

lý, lẽ ra cũng như thế. Cho nên, có ở tám chi Thánh đạo, hay chê bai tà kiến, nghĩa là giác như lý, không có ở chê bai diệt, cho là hiểu như lý, do hành tướng, tự thể của giới cấm, v.v... khác với Thánh đạo không có, gọi là thể tướng thường, vắng lặng của Niết-bàn có khác nhau. Cho nên, không có diệt, nghĩa đồng với đạo. Nay, nên tư duy, lựa chọn.

Không phải đạo chấp là đạo, gọi là chấp giới cấm là nhân giải thoát. Hoặc chấp ngã kiến, có thể chứng giải thoát.

Chấp này là do kiến khổ dứt hay do kiến đạo dứt?

Nếu chấp cả hai đều có kiến khổ dứt, thì kiến đạo dứt lẽ ra rất ráo không có. Hoặc nên nói nhân riêng, đều không phải đạo, chấp đạo.

Vì sao hai kiến này kiến khổ dứt, kiến khác mới là kiến đạo dứt chẳng?

Nếu chấp cả hai đều có kiến đạo dứt ấy, thì phải gọi là vì sao kiến đạo dứt chẳng?

Không phải khi kiến đạo có thể hiểu rõ cảnh của đạo kia, hoặc hiểu rõ tự thể của đạo kia, hoặc dứt đối tượng duyên của đạo kia, hoặc biết khắp lý kiến lập hư hoại, nghĩa là nếu tùy miên, đối tượng dứt của kiến đạo, có thể duyên đối tượng dứt của kiến khổ làm cảnh, thì ai ngăn dứt biết khắp, kiến lập mất mát, hư hoại Như vị hiện quán, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ dứt, cũng là vì kiến tập dứt duyên ràng buộc, mặc dù do dứt hẳn, chưa lập biết khắp. (Biến tri)

Như thế, cho đến diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, kiến khổ dứt cũng là kiến đạo dứt duyên ràng buộc, lẽ ra cũng dù dứt, chưa lập biết khắp, nhưng không phải điều mà ta thừa nhận, nên nói về nghĩa lý sâu xa, tông ta nói cả hai đều có kiến khổ dứt, chỉ kiến khổ dứt, vì duyên giới bờ, v.v... nên chỉ chấp quả thô là nhân của kiến đạo kia, nên không thừa nhận cả hai đều có kiến khổ dứt. Kiến đạo dứt ấy là rất ráo không có, vì không phải đạo, chấp là đạo có hai loại:

1. Duyên giới cấm.
2. Duyên mê gần đạo.

Duyên giới cấm, v.v... trái với sức tin ngộ đạo, không như duyên mê gần đạo, nghĩa là duyên giới cấm, v.v... vì hành tướng rất thô, vì theo đuổi không xa, vì ý ưa thích không vững chắc, nên ít lập ra nổi khổ nhọc, tức là dứt diệt, duyên mê gần đạo, trái với này. Do đó nên biết không phải đạo, chấp là đạo. Các giới cấm thủ có hai loại khác nhau:

1. Kiến khổ dứt.
2. Kiến đạo dứt.

Như trước đã nói thường, ngã trái với sinh, vì chỉ có hai thứ điên

đảo này. Không như vậy thì điền đảo gồm có bốn thứ:

1. Đối với không phải thường chấp là thường điền đảo.
2. Đối với các khổ, điền đảo chấp vui.
3. Đối với bất tịnh, điền đảo chấp tịnh.
4. Đối với không phải ngã, điền đảo chấp ngã.

Bốn điền đảo như thế thể chúng là gì?

Tụng rằng:

*Tự thể bốn điền đảo
Là từ nơi ba kiến
Chỉ đảo, tìm xét tăng
Tâm tướng tùy sức kiến.*

Luận chép: Từ ở ba kiến, lập thể bốn đảo. Nghĩa là trong biên kiến, chỉ nhận lấy thường kiến, dùng làm thường điền đảo, trong các kiến thủ, lấy chấp vui, tịnh làm vui tịnh điền đảo. Trong có thân kiến, chỉ lấy ngã kiến dùng làm ngã điền đảo.

Nói nói như thế là tông của một sư. Nhưng về nghĩa chắc chắn của Tỳ-bà-sa, lại y cứ ở bộ để phân biệt trong mười hai kiến, chỉ hai kiến rười là thể điền đảo, nghĩa là có khổ thân kiến, kiến thủ hoàn toàn, lấy phần chấp thường trong biên chấp kiến. Vì hành tướng của hai kiến dứt, thường trái lẫn nhau, nên có thể nói hai thể đều khác nhau.

Các pháp chấp ngã luận, tức chấp ngã, đối với họ, Có sức tự tại là kiến ngã sở, đây tức là ngã kiến, do sự chuyển vận của hai môn.

Lẽ nào không phải các phiền não đều vì chuyển biến điền đảo, nên đều là đảo, không phải chỉ bốn thứ. Không như vậy thì vì kiến lập tướng đảo khác chăng?

Sao gọi là tướng đảo? Nghĩa là đủ ba nhân, ba nhân là:

1. Vì hướng đến điền đảo.
2. Vì tánh tìm tòi, so tính.
3. Vì tăng ích sự giả dối.

Tiếng tăng cũng chỉ rõ, vì thể tăng vượt hơn, nên không phải phiền não khác. Đủ ba nhân này, nghĩa là giới cấm thủ không phải điền đảo hoàn toàn, vì đối tượng chấp, chấp nhận là nhiễm dục, v.v..., nên phần ít tạm thời được thanh tịnh. Dứt kiến tà kiến, không phải tăng ích lũng dối, vì đối với môn hư hoại, sự, hai thứ này chuyển biến, vì kiến thủ của bộ khác, không phải tăng vượt hơn, vì phiền não khác không phải tìm tòi, dẫn đo, do điền đảo này, chỉ bốn, không phải khác.

Lẽ nào không phải trong kinh nói: Các điền đảo gồm có mười hai, như Kế kinh nói: Đối với không phải thường chấp là thường, có tâm

tướng, kiến đảo, đối với khổ, bất tịnh, không phải ngã cũng như vậy. Không như vậy thì vì tâm tướng, không phải tìm tòi, so tính, nên tùy theo ở sức kiến đảo cũng đặt tên đảo, vì hành tướng ứng với kiến tướng đồng, nhưng không phải thọ, v.v..., cũng như tâm tướng có thể đặt tên đảo, vì có nhân riêng, nghĩa là đối với chẳng phải thường, v.v..., khi khởi kiến thường, v.v..., sẽ do nhận lấy tướng thường, v.v... trong cảnh. Vì chủ thể nhận lấy tướng ấy là tướng, không phải chi khác, nên đặt tên là đảo, không phải đối với thọ, v.v... Lại, đối trị tuệ đảo, cũng đặt tên tướng, nghĩa là trong hành không phải thường, v.v... gọi là tướng, không phải thường, v.v... Do tuệ vì giúp đỡ nhau gần với tướng. nên theo nhau lập, gọi là thọ, v.v... là Không đúng, do sức đối tượng nương tựa có trái ngược, tìm tòi, tăng, nhận lấy cảnh, thành tựu nhau, nên tâm gọi đảo. Như Khế kinh nói: Tâm dẫn phát thế gian, đối với bực lưu hoặc, nổi, chìm từ chỗ này đến nơi khác.

Tỳ-bà-sa nói: Chỉ có tướng và tâm, có thể đặt tên đảo, là thế gian cực thành, nghĩa là tâm tướng đảo, thế gian cực thành, thọ, v.v... thì Không như vậy, nên kinh không nói. Do tướng của tâm này tùy theo sức kiến đảo, đặt tên điên đảo, không phải đối với thọ, v.v...

Các đảo như thế, chỉ kiến khổ dứt, vì thường điên đảo, v.v... chỉ vì chuyển biến nơi khổ, nên hiểu rõ không phải giác thường, v.v..., chỉ duyên khổ sinh, vì thế không nên về sau, khi kiến tập, diệt, đạo mới xả kiến thường, lạc, ngã, tịnh.

Đã nói về tướng khác nhau của kiến, tùy miên rồi. Có phải kiến khác cũng có tướng sai khác hay chẳng? Cũng có thì sao? Tụng rằng:

*Mạn bầy, chín, từ ba
Đều chung kiến, tu dứt
Thánh như sát hại thiên
Tu dứt chẳng hiện hành.*

Luận chép: Có người ngu si, trước ở trong Có sự, không phải Có sự, tra xét, so lường tâm mình, người khác, sinh tâm cao cử gọi là mạn. Do hành chuyển biến khác chia làm bảy thứ:

1. Mạn.
2. Quá mạn.
3. Mạn quá mạn.
4. Ngã mạn.
5. Tăng thượng mạn.
6. Ty mạn.
7. Tà mạn.

Trong dòng họ, bạn bè, thua kém, hoặc bằng với người khác mà cho là mình hơn, là bằng, tỏ vẻ cao ngạo, gọi là mạn.

Trong dòng họ, bạn bè bằng nhau, cho là mình hơn, là bằng với người khác, gọi là quá mạn.

Trong dòng họ, bạn bè bằng nhau, cho mình hơn người kia, gọi là mạn quá mạn.

Đối với năm thủ uẩn, chấp ngã, ngã sở các vị bèn cao cử, gọi là ngã mạn.

Trong đức thù thắng của đạo dứt, v.v... của địa chưa chứng đắc, mà cho là mình đã chứng đắc, gọi là tăng thượng mạn.

Có các người tại gia, xuất gia ở trong nhiều phần hơn về đức Thi-la, v.v... công xảo của người khác, mà cho là mình ít thua kém, tâm sinh cao cử, gọi là ty mạn.

Ở trong không có đức, cho là mình có đức, gọi là tà mạn.

Nói không có đức, nghĩa là các hành vi ác, vì trái với công đức, nên đặt tên không có đức, cũng như bất thiện, nhưng luận này nói. Mạn có chín thứ, thứ là nghĩa thứ bậc, tức sự sai khác của mạn. Chín thứ là:

1. Ngã thắng mạn.
2. Ngã đẳng mạn.
3. Ngã liệt mạn.
4. Có loại ngã mạn vượt hơn.
5. Có loại ngã mạn bằng nhau.
6. Có loại ngã mạn kém thua.
7. Không có loại ngã mạn vượt hơn.
8. Loại ứng mạn không có bằng nhau.
9. Loại ngã mạn không có thua kém.

Chín loại này đều dựa vào có thân kiến khởi.

Tà hơn: Là loại quá mạn.

Ta bằng: Là loại mạn.

Ta thua: Là loại ty mạn.

Có người hơn ta: Là loại ty mạn.

Có người bằng ta: Là loại mạn.

Có người thua ta: Là loại quá mạn.

Không có người hơn ta: Là loại mạn.

Không có người bằng ta: Là loại quá mạn.

Không có người thua ta: Là loại ty mạn.

Cho nên, chín loại này phát ra từ ba mạn, đó là mạn, quá mạn và ty mạn. Ba hành kế là có khác, thành ba thứ, ba loại.

Loại ngã mạn không có thua kém, cao cử như thế nào thành?

Nghĩa là có như đây, đối với mình, đã ưa nhóm hữu tình vượt hơn. Dù đối với thân mình, biết rất thấp kém, mà tự tôn trọng, như Trình-Thụy, hoặc Chiên-đồ-la, người ấy dù tự biết điều ác chung của thế gian, nhưng đối với Trình-Thụy khi chấp công việc mà ông ta đã làm, vì tôn trọng thân mình, nên thành cao cử.

Bảy mạn như thế lấy gì để dứt?

Có sư khác nói: Ngã mạn, tà mạn, chỉ do kiến dứt, các mạn còn lại có cả kiến, tu dứt. Về thật lý, nên nói bảy, vì đều có cả hai, nên có thể yên ổn nói thế này: Trong sắc của ngã, v.v... không tùy theo chấp ngã, nhưng trong năm thủ uẩn như thế có ngã, mạn, ái, tùy miên chưa dứt. Các tu dứt, khi bậc Thánh chưa dứt, chắc chắn có thể hiện hành, tu dứt này không nhất định, nghĩa là có đã dứt mà có thể hiện hành. Như đã lia tùy miên, v.v... tham dục, tìn căn, khổ, có tùy miên dù chưa dứt mà nhất định không hiện hành. Như chưa lia tham dục, bậc Thánh sát triền, v.v... Nghĩa là vì triền này phát khởi, nên tư duy dứt mạng chúng sinh. Đẳng, là đẳng thủ, triền trộm, dâm, lừa dối, không có ái hoàn toàn, có ái một phần.

Không có ái, gọi là pháp nào?

Nghĩa là ba cõi không phải thường, đối với tham cầu ấy gọi là không có ái. Do đó đã phân biệt vô lậu không phải thường, vì tham cầu kia chắc chắn không phải chỗ tham yên ổn, đầy đủ. Có một phần ái, nghĩa là nguyện sẽ làm đại Long vương Ái-la-phạt-noa, v.v..., dù nói vì biểu thị rõ vua A-tố-lạc, châu Câu-lô ở phía Bắc, trời Vô tướng, v.v..., nên sát triền, v.v... này dù do tu dứt, nhưng các bậc Thánh chắc chắn không hiện hành. (Nhân không hiện hành này ở sau sẽ giải thích)

Có ngã mạn, v.v... so sánh cũng như vậy. Trong không có ái, cũng có kiến dứt. Vì tùy theo kinh nói, nên nói chỉ tu dứt, như Khế kinh nói: Một loại khổ ép ngặt đã nghĩ như thế này: Nguyện sau khi tôi chết, sẽ dứt, hoại không có, có niềm vui không bị bệnh. Ái này chỉ duyên chúng đồng phần khởi.

Vì sao bậc Thánh có các loại mạn, pháp ngã mạn, v.v... mà không hiện khởi?

Tụng rằng:

*Ngã mạn... các loại mạn
Bất thiện trong ác tác
Thánh có mà không khởi
Chỗ tăng do kiến, nghi.*

Luận chép: Nói thấy, vì giải thích rõ các triền sát, v.v..., không có ái, hoàn toàn có một phần ái, vì các bậc Thánh khéo tu không, vì khéo biết lý lệ thuộc nhau của quả nghiệp. Loại mạn này đồng với ngã mạn, ăn năn ác tác, mặc dù bậc Thánh chưa dứt, nhưng chắc chắn không hiện hành. Lại, mạn này tăng gần của kiến nghi, kiến, nghi đã dứt, nên không hiện hành nữa. Loại mạn, ngã mạn, là thân kiến tăng, triền sát sinh, v.v... là tà kiến tăng. Đối với không có ái, là chấp đoạn kiến tăng, có một phần ái, là chấp thường tăng, bất thiện, ác tác, là do nghi tăng, nên trong thân bậc Thánh, dù có chưa dứt mà do trái, phân tích, đều chắc chắn không hiện hành, pháp khác, vì không phải kiến, nghi đã tăng gần, nên bậc Thánh đã thành tựu, chấp nhận có thể hiện hành.

Trong chín mươi tám tùy miên có bao nhiêu tùy miên là biến hành? Bao nhiêu tùy miên không phải biến hành? Tụng rằng:

*Kiến khổ, tập được dứt
Tương ứng các kiến, nghi
Và vô minh không chung
Biến hành địa, giới mình
Trong đó trừ hai kiến
Chín còn lại duyên trên
Trừ được tùy hành khác
Cũng thuộc về biến hành.*

Luận chép: Chỉ do kiến khổ, tập dứt, sức tùy miên có thể biến hành, nhưng không phải tất cả, nghĩa là chỉ các kiến, nghi tương ứng với tùy miên kia. Vô minh, không chung, chẳng phải tham khác, v.v....

Kiến có bảy kiến. Nghi có hai nghi, tương ứng với vô minh, tức lệ thuộc nghi kia, vì không chung có hai, nên thành mười một.

Mười một kiến như thế, trong các địa, giới, đều có thể biến hành. Năm bộ của địa, cõi mình, nghĩa là trong pháp năm bộ của địa, cõi mình, duyên biến khắp tùy miên làm nhân sinh nhiễm. Cho nên, chỉ tùy miên này đặt ra danh từ biến hành. Vả lại, y cứ ở giới để nói ba mươi ba là nương tựa khắp.

Vì nghĩa gì đặt danh từ vô minh không chung?

Nói như thế, nghĩa là xen lẫn nhau, gọi là chung, vì vô minh này chẳng phải chung, nên đặt danh từ không chung, tức là đối pháp khác, đều lấy sự sai khác làm nghĩa, như Khế kinh nói: Phật, Tăng không chung, điều này chứng tỏ hai ngôi báu Phật, Tăng đều khác nhau, vì công hạnh không chung, nên gọi là không chung. Vô minh không phải tùy miên khác, vì hành xen lẫn nhau, hoặc gọi khắp là chung, tức là

nghĩa khắp. Vì nghĩa này không phải chung, nên đặt danh từ không chung, vì không tương ứng với các tùy miên.

Vì sao chỉ trong các tùy miên do kiến khổ, tập dứt, có biến hành chẳng?

Chỉ tùy miên này duyên khắp các pháp hữu lậu. Vì ý ưa thích không có thể lực riêng vững chắc, nên có thể làm nhân biến sinh năm bộ. Tùy miên do kiến diệt, kiến đạo dứt, chỉ có chủ thể duyên một phần hữu lậu, đối tượng duyên có thể lực riêng không vững chắc, nên không thể làm nhân khắp sinh năm bộ, nên chỉ hai bộ trước, có tùy miên biến hành. Tùy miên biến này đủ ba nghĩa biến, nghĩa là ở năm bộ duyên biến khắp tùy miên và có thể làm nhân biến khắp sinh pháp nhiệm.

Pháp tương ứng này có hai nghĩa biến, đó là ở ba nghĩa, chỉ thiếu tùy miên. Tương ứng này đều có pháp, có một nghĩa biến, nghĩa là chỉ làm nhân khắp sinh pháp nhiệm.

Nếu hoặc biến hành, chủ thể duyên năm bộ, Tát-ca-da kiến duyên theo pháp đối tượng dứt của kiến diệt, đạo sinh là kiến nào dứt?

Nếu tham, v.v... do kiến khổ dứt thì cũng duyên năm bộ, nên chỉ có kiến khổ dứt.

Lại, như kiến thủ duyên kiến diệt, đạo dứt có thể duyên theo cảnh vô lậu, nghĩa là vì mê gần kia, là mê diệt, đạo, nên cũng là đối tượng dứt của kiến diệt, kiến đạo.

Như thế, thân kiến cũng là mê gần, vì mê diệt, đạo, nên kiến dứt kia chẳng? Hoặc phải nói về nhân duyên sai khác này?

Lại, như kiến thủ do kiến diệt, kiến đạo dứt, phải do cảnh biết khắp, vì đối tượng duyên nên dứt.

Như vậy, so sánh thân kiến cũng như thế. Hoặc như đối tượng duyên, biết khắp của thân kiến, dứt. Như thế, so sánh kiến thủ cũng như vậy.

Tông của hai đường lối như thế, đều không thừa nhận, cho nên sở lập, về lý không đúng, lẽ tất nhiên phải như vậy, vì nghĩa có khác. Và lại, đối tượng so sánh đầu tiên là tham, v.v... cũng vì duyên năm bộ, nên chỉ kiến khổ dứt.

Hoặc nêu kiến khổ này, là trái với sự so sánh thân kiến, về lý cũng nên thuộc cả về năm bộ chẳng?

Sự so sánh này thật phi lý, vì tham, v.v... cũng một niệm duyên tức khắc pháp của năm bộ, nghĩa là trong một sát-na có thân kiến, tức khắc duyên với năm bộ. Thọ, cho đến thức, làm ngã, ngã sở, về lý, không nên nói: Thể của một niệm thân kiến, phân biệt năm bộ, vì tham, v.v...

đều là hoặc của tự tướng, còn không có một niệm duyên tức khắc hai bộ, huống chi có thể duyên tới năm, nên so sánh không thành.

Về sự so sánh sau nói: Như kiến thủ, thân kiến, đối tượng dứt của kiến diệt, đạo cũng như vậy, đều là mê gần, vì mê diệt, đạo, nên cũng kiến diệt, kiến đạo dứt ấy, cũng không đúng, vì tát ca da kiến. Không thể khen ngợi, vì chê bai kiến kia. Lại, vì đối tượng duyên rất ráo không có chia giới hạn, nên không phải có thân kiến, phải trước khen ngợi kiến chê bai diệt, đạo, mới chấp là ngã, cũng không phải đối với cảnh, tạo ra duyên phân chia giới hạn, vì kiến thủ là do khen, tà kiến hay chê bai diệt, đạo, mới chấp thứ nhất. Đối với cảnh, duyên, tạo ra giới hạn phân chia, vì nghĩa chủ thể duyên đã có khác, nên không thể làm so sánh. Nhưng có thân kiến, khi kiến khổ đế, được duyên biết khắp tức hoàn toàn dứt hẳn. Không phải kiến thủ, nghĩa là vì kiến này có nhân riêng, vì đối tượng duyên, hạnh, giải, v.v... không bằng nhau, nghĩa là như các uẩn, đối tượng dứt của kiến khổ ba cõi, đều không phải ngã, cho đến các uẩn do tu dứt không phải ngã. Vì tướng chúng cũng như vậy nên khi kiến khổ, không phải ngã kiến khởi, duyên đối tượng kiến khổ, ngã kiến đều trừ. Chấp vượt hơn thì không đúng, vì có ở một ít pháp quán một ít pháp khác, vì chấp là vượt hơn. Do kiến này tùy theo vận hành kiến thủ, dù duyên pháp do kiến diệt, đạo, nhưng vì sinh thô, nên như thân kiến chỉ kiến khổ dứt, như duyên pháp do tu đạo dứt mà sinh, kiến chê bai diệt, đạo, tùy theo vận hành kiến thủ, dù cũng duyên pháp đối tượng dứt kia sinh, nhưng thân kiến kia vì đối với cực vi đời trước, nên không gồm nhiếp lạc, tịnh, hạnh giải. Chấp gần, không muốn diệt đạo, bị vô minh dẫn dắt tà kiến là rất vượt hơn, nên dù là vị kiến khổ biết khắp đối tượng duyên, nhưng phải là đối tượng duyên dứt hẳn, mới dứt. Cho nên, kiến thủ không phải như thân kiến, vì chỉ khi thấy khổ, tức hoàn toàn dứt hẳn, nên đã nói sự sai khác dứt, về lý, cực thành. Hoặc duyên theo đối tượng dứt của kiến diệt, kiến đạo.

Kiến thủ đều có ba, nghĩa là kiến khổ, tập và kiến diệt, đạo, vì tùy theo một dứt. Nếu đối với kiến diệt, kiến đạo dứt thì chấp phần quả vượt hơn, là kiến tập dứt, chấp phần nhân vượt hơn là kiến tập dứt. Nếu chỉ chấp nhân kia là giác chân thật thì sẽ không chấp riêng về phần nhân, phần quả kia, mà là tùy theo duyên sự sinh nào đều có dứt với nhân kia, nên kiến thủ dứt, không phải như thân kiến. Nếu có thân kiến, giới thủ, kiến thủ, duyên tức khắc năm bộ, gọi là hiện hành khắp, tức là biến hành, không phải chỉ gần ấy, do ở xứ này có ngã kiến hiện hành, nên xứ này phải khởi ngã ái, mạn.

Nếu ở xứ này, kiến, hạnh tịnh vượt hơn, thì ứ này lẽ ra mong cầu cao cử, tức là ái mạn, cũng biến hành chẳng?

Vấn nạn này không thích hợp, vì dù sức kiến khởi, nhưng hai thứ này vì duyên phân chia giới hạn, nên nói biến hành này chỉ có mười một.

Ở trước đã nói mười một, trong các địa cõi, đều có thể hiện hành khắp năm bộ của địa, cõi mình, là có biến hành của địa người, cõi người. Vì phân biệt địa, cõi người khác, nên nói địa, cõi mình, cũng có biến hành của địa, cõi của người khác, nghĩa là trong mười một, trừ thân kiến, biên kiến, chín thứ còn lại cũng duyên với trên. Nói trên, chính là nói cõi trên, địa trên, gồm biểu thị rõ không có duyên tùy miên của cõi, địa dưới, vì duyên cõi, địa dưới, nên biết khắp cõi hư hoại. Vì cảnh trên vượt hơn, nên duyên không có lỗi này. Và lại, tà kiến do kiến khổ dứt của cõi Dục, chê bai quả khổ của cõi Sắc, cõi Vô sắc là không có. Kiến thủ trong đó chấp là hơn hết.

Giới thủ đối với không phải nhân chấp là nhân, hoài nghi, do dự, vô minh, không hiểu rõ, do kiến tập dứt, như chỗ thích hợp sẽ nói. Sắc duyên Vô sắc, so sánh với cõi này, nên biết. So sánh cõi nên tư duy. Căn cứ ở địa để phân biệt. Nhưng các cõi, địa, chắc chắn là khác, nghĩa là cõi Dục cho đến tĩnh lự thứ tư, có duyên biến hành của địa trên, cõi trên. Trong ba Vô sắc, thiếu duyên một địa Hữu đẳng cõi trên. Hai thứ đều không có. Dù có tùy miên duyên chung địa trên của mình, nhưng về lý không có duyên tức khắc địa trên của mình, do các sự cảnh giới trong địa mình, là cảnh ở đối tượng duyên, cũng là đối tượng tùy miên.

Nếu các sự cảnh giới trong địa trên là cảnh đối tượng duyên, thì không phải đối tượng tùy miên, không thể một niệm phiền não duyên theo cảnh, có xứ tùy miên, có xứ không là tùy miên. Chớ gọi là đối với tương ứng, vì cũng có như thế, nên ở địa cõi trên, sẽ duyên tức khắc phải chăng?

Không phải sẽ duyên tức khắc, hoặc riêng, hoặc chung.

Thân kiến, biên kiến, vì sao không duyên địa cõi trên?

Duyên địa, cõi của người, chấp ngã, ngã sở và chấp dứt, thường, về lý không thành, nghĩa là không phải ở trong địa. cõi này sinh, trong uẩn địa, cõi của người, có chấp làm ngã, chấp có hai ngã, về lý không thành, nên chấp ngã không thành, chấp ngã đã không thành, thì đối tượng chấp, sẽ dựa vào chấp ngã khởi, biên kiến tùy theo có thân kiên sinh, nên cũng không chấp nhân duyên địa, cõi của người. Do đó chỉ chín thứ duyên địa trên, về lý cực thành.

Có sư khác nói: Hai kiến thân và biên, vì sức ái khởi, nên thủ hữu chấp thọ, làm hữu của mình, nên dùng pháp hiện thấy làm cảnh giới, sẽ không duyên địa trên.

Sinh ở cõi Dục, nếu duyên Đại Phạm khởi kiến chấp, hữu tình là thường, là thuộc về kiến nào?

Về lý thật ra nên nói: Hai thứ này chẳng phải kiến, mà là thân, biên kiến do tà trí dẫn phát. Hiện thấy trong uẩn, chấp ngã thường rồi, đối với kiến không hiện ở đây, nghĩa là như đây: Sinh cõi Dục, không chấp rằng: Ta là Đại Phạm, cũng không chấp rằng: Phạm là ngã sở, nên không phải thân kiến. Vì thân kiến không có, nên biên kiến cũng không có, vì biên kiến tùy theo thân kiến khởi, nên không phải có kiến khác tạo ra hành tướng này, nên cho tà trí dẫn sinh thân, biên kiến, làm thể biến hành.

Chỉ là tùy miên. Không như vậy thì sao?

Và pháp tùy hành, nghĩa là trên đã nói: tùy miên biến hành và thọ, v.v... sinh, v.v... tùy hành kia, đều thuộc về biến hành, vì đồng một quả, nhưng trong tùy hành, chỉ trừ các đắc, vì đắc và chỗ đắc không phải một quả, do nhân biến hành này đối lại với tùy miên, đủ thành sự sai khác của bốn luận chứng.

Trong chín mười tám tùy miên có bao nhiêu tùy miên hữu lậu? Bao nhiêu tùy miên duyên vô lậu?

Tụng rằng:

*Kiến diệt, đạo thì dứt.
Tương ứng tà kiến, nghi
Và vô minh không chung
Sáu duyên với vô lậu.
Ở trong duyên diệt ấy
Chỉ duyên diệt địa mình
Duyên đạo địa sáu chín
Do trị riêng nhân nhau.
Tham, giận, mạn, hai thủ
Đều không duyên vô lậu
Nên lìa cảnh không oán
Thanh tịnh vì tánh hơn.*

Luận chép: Chỉ kiến diệt, đạo dứt trừ tà kiến, nghi, vô minh không chung tương ứng với tà kiến, nghi kia, đều ba thành sáu, chủ thể duyên vô lậu, nghĩa là kiến diệt, đạo dứt, ba tà kiến, hai nghi, tương ứng với vô minh, tức thuộc về không chung kia, vì có hai nên hợp thành sáu.

Sáu thứ như thế, trong các địa, cõi, có thể duyên diệt, đạo, gọi là duyên vô lậu, duyên hữu lậu khác không nói tự thành. Duyên vô lậu này đối với mỗi địa đều duyên bao nhiêu địa, dùng diệt, đạo làm cảnh. Các duyên diệt nghĩa là duyên diệt của địa mình, nghĩa là lệ thuộc cõi Dục duyên tùy miên diệt, chỉ duyên trạch diệt, các hành cõi Dục, cho đến Hữu Đảnh duyên tùy miên diệt, chỉ duyên trạch diệt, các hành của Hữu đảnh.

Các duyên đạo, nghĩa là duyên sáu, chín địa, lệ thuộc cõi Dục duyên tùy miên đạo, chỉ duyên đạo phẩm pháp trí của sáu địa, hoặc trí cõi Dục, hoặc có thể trụ cõi khác, các phẩm pháp trí vì đều có thể duyên, nên tám địa cõi Sắc, cõi Vô sắc sở hữu duyên tùy miên đạo, mỗi cõi chỉ có thể duyên chung đạo phẩm loại trí của chín địa. Hoặc trí địa mình, hoặc có thể trí địa khác, vì các phẩm loại trí đều có thể duyên.

Vì sao tà kiến chê bai khổ, chê bai tập?

Lệ thuộc cõi Dục, có thể duyên chín địa. Người Sơ tĩnh lự có thể duyên tám địa, cho đến Hữu Đảnh, chỉ là tà kiến duyên địa kia, chê bai diệt. Trong chín địa mỗi địa chỉ có thể duyên diệt của địa mình. Điều này có lý do. Vì sao? Vì nếu có pháp được thãm nhuần do ái của địa này, thì thân kiến của địa này chấp làm ngã, ngã sở. Các pháp kia diệt, lại làm địa này.

Đối tượng duyên của tà kiến, do kiến diệt dứt, đại ý của nói này nói: Nếu có các hành là đối tượng duyên của ngã ái, ngã kiến của địa này, nên do mê đắm hành của địa này, vì thế nếu khi nghe nói có hành của địa này diệt, ấy là khởi tà kiến của địa này bác bỏ không có, chẳng phải trong hành của địa trên, có tham đắm mê đắm địa dưới. Thà rằng, tà kiến của địa dưới bác bỏ diệt kia không có. Mặc dù cõi, địa đối nhau, nhân quả cách biệt, nhưng khổ, tập của chín địa lần lượt lôi kéo nhau. Lại, dựa vào sự sinh mà lập nhân. Lại, vì làm nhân lẫn nhau, nên tà kiến của một địa chấp nhận có duyên nhiều, vì diệt không có việc dẫn dắt nhau, và nhân nhau, nên tà kiến chê bai diệt chỉ duyên diệt của địa mình, nhưng các trí thiện giác ngộ cảnh, về lý, chấp nhận chung có duyên tức khắc nhiều hành diệt của địa, các tà kiến khởi mê lầm về cảnh, cố chấp nên bị ngăn cách, không thể duyên chung.

Vì sao tà kiến duyên khổ, tập, diệt có chung, chỉ duyên riêng đạo không đúng?

Vì trí có khác, vì làm nhân lẫn nhau, nghĩa là đối tượng duyên đạo dù có các địa riêng, nhưng lần lượt lệ thuộc nhau, vì làm nhân quả lẫn nhau, nên do sáu, chín tà kiến này, duyên chung diệt không làm nhân

lẫn nhau, chỉ duyên địa mình.

Lẽ nào không phải đạo phẩm của hai trí: Pháp và loại, cũng làm nhân lẫn nhau tà kiến địa trên, địa dưới, đều có công năng duyên đạo phẩm của pháp loại, như duyên khổ, tập, các địa không có ngăn dứt chẳng?

Sự trách cứ này không đúng, vì không phải đối trị?

Nếu vậy, thì đạo phẩm của pháp trí sáu địa, không phải tà kiến cõi Dục duyên chung đạo phẩm pháp, trí trong năm địa trên, vì pháp ở cõi Dục chẳng phải đối trị, quả Vị Chí cũng không phải hoàn toàn thuộc về địa trên, vì không phải đối trị cõi Dục. Trị dục, cũng không phải hoàn toàn tà kiến.

Vì đối trị nhãn như cho nên, tà kiến chê bai đạo của cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng có thể duyên đạo phẩm pháp trí, có đạo phẩm pháp trí, vì trị cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Nếu cho rằng pháp trí không phải đối trị hoàn toàn khổ, tập kia, vì phẩm pháp trí không phải đối trị khổ, tập kia, cũng không phải hoàn toàn có thể trị cõi Sắc, cõi Vô sắc, vì không thể trị kiến đạo dứt của cõi Sắc, cõi Vô sắc kia.

Pháp trí của phẩm đầu, không thể trị phiền não của phẩm đầu kia, vì không phải đối trị của pháp này, nên phẩm pháp trí không phải đối tượng duyên của phiền não kia. Vậy phải thừa nhận tà kiến của cõi Sắc, cõi Vô sắc, không thể duyên chung phẩm loại trí của chín địa, không phải phẩm loại trí.

Nói chung, chủ thể đối trị các phiền não trong hai cõi trên, nghĩa là không phải đạo phẩm loại trí của địa, v.v... Tĩnh lực thứ hai cũng có thể vì đối trị phiền não của địa Sơ tĩnh lực, v.v.... Sơ tĩnh lực, v.v... cũng không phải hoàn toàn hai tiết, tìm tòi gạn hỏi như trước đã nói. Lại, duyên đạo đế, tùy miên của ba cõi, vì không phải đối trị của khổ, tập diệt nhãn, nên tà kiến chê bai đạo, về lý không có khả năng duyên cả địa trên, địa dưới, đạo của địa sáu, chín.

Lưỡi lỗi như thế, về lý thật ra đều không có. Pháp, loại đối nhau, vì chủng loại khác nhau, phẩm pháp loại trí vì đồng chủng loại, vì làm nhân lẫn nhau, vì làm duyên lẫn nhau, nghĩa là đạo phẩm pháp trí đồng, là duyên đạo đế trong cõi Dục, hoặc chủng loại đối trị đạo loại đồng này, do nhân giúp nhau, duyên giúp nhau. Nếu không phải đối trị cũng duyên đạo cõi Dục, đối tượng duyên phiền não. Đạo phẩm loại trí với phẩm pháp trí dù làm nhân lẫn nhau, nhưng vì chủng loại khác nhau của môn đối trị, vì không duyên nhau, nên không phải duyên đạo cõi Dục,

đối tượng duyên phiền não.

Căn cứ ở đây đã ngăn dứt phiền não của duyên đạo cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng duyên đối trị lỗi của phẩm pháp trí cõi Sắc, cõi Vô sắc, nghĩa là ở trong đây, dù có phần ít đạo phẩm pháp trí, chủ thể trị phần ít phiền não cõi trên, cũng là nhân giúp nhau, mà vì chủng loại khác nhau của môn đối trị, nên cũng phẩm loại trí vì không duyên nhau, nên không phải đối tượng duyên phiền não duyên đạo của địa trên. Đạo phẩm loại trí trong chín địa, do một chủng loại lần lượt làm nhân nhau. Lại, duyên lẫn nhau, vì loại trị đồng. Mặc dù không phải đối trị, nhưng có thể đều làm cảnh chiêu cảm duyên đạo trong tám địa trên.

Cho nên, như bài tụng đã nói, về lý cực thành.

Vì sao tham, giận, mạn và hai thủ, thấy vô lậu dứt không duyên vô lậu?

Do các vị thích, mong cầu giải thoát chân thật đối với phiền não tham, phải nên lia bỏ. Nếu duyên vô lậu, như dục của pháp thiện, mong cầu Niết-bàn và vì Thánh đạo. Người cầu giải thoát không nên lia tham. Lại, diệt, đạo đế là đối tượng dứt, vì Đức Phật nói: Lia cảnh tham, gọi là dứt, như Khế kinh nói: Ông đối với sắc, nếu có thể dứt tham, thì sắc cũng gọi là dứt. Lại, đối với cảnh tham, vì thấy lỗi, nên mới được lia tham.

Nếu thừa nhận có tham duyên vô lậu, nên đối với diệt, đạo, khi nhận thấy lỗi, tham mới được lia. Kiến này không phải tịnh, đâu thể dứt hết hoặc. Lại, đối với cảnh tham, vì thấy công đức, nên tham mới được sinh. Nếu thừa nhận có tham duyên vô lậu ấy, thì khi hạnh quán diệt tĩn, v.v... vô lậu, thì tham lẽ ra tăng trưởng.

Vì sao do tham này mà có thể dứt hết các hoặc?

Đã không hết hoặc, thì sự sinh tử vô cùng.

Cho nên biết tham, không duyên vô lậu.

Duyên sự oán hại mới được sinh giận, vì lia tướng oán hại trong sự vô lậu, nên duyên vô lậu, giận, sẽ bất sinh. Lại, tùy miên giận, tướng chúng thô, ác, các pháp vô lậu vì rất mầu nhiệm, nên giận đối với vô lậu kia, không chấp nhận được hiện hành.

Vì tướng cao cử của tùy miên mạn, nên tánh không vắng lặng. Các pháp vô lậu vì rất vắng lặng, nên bất sinh cao cử. Lại, người sinh mạn, nghĩ rằng: Ta được pháp này không phải sức của pháp vô lậu có thể làm duyên khởi mạn như thế, vì pháp vô lậu có công năng đối trị mạn. Hai thủ nếu có thể duyên vô lậu, thì nên tương đồng với chánh kiến vì vô lậu là tánh chân tịnh vượt hơn. Hai thủ đã không có đảo, không phải

kiến đạo dứt. Cho nên, hai thủ không phải duyên vô lậu.

Nếu vậy thì có người chê bai Niết-bàn. Trên tà kiến, v.v..., khởi tùy miên sân, đã gọi là đối tượng duyên, thì không có lỗi. Đối với pháp có lỗi, khởi tâm ghét trái, chính hợp với dáng dấp ấy, vì nên xa lìa, thì giận dữ, không phải thấy diệt dứt, sẽ không có lỗi như thế.

Tướng ngu diệt, nghĩa là đối với kẻ hay chê bai, vì mới khởi giận, nghĩa là đối với chỗ khác, chấp giải thoát rồi, đối với chê bai chân giải thoát, mới khởi tâm bất nhẫn. Cho nên, phải là người ngu tướng chân diệt, mới đối với tà kiến, v.v... chê bai diệt, khởi lấm ghét, trái. Thấy diệt dứt giận, các hữu không ngu tướng chân diệt, đối với tà kiến, v.v... chê bai diệt, nếu sinh ra chán, trái, không phải tùy miên giận, thì chính là thuộc về căn thiện vô tham. Lại, như người trong bụng chất chứa nhiều bệnh. Vì mạng sống còn, nên dù ăn thức ăn ngon, nhưng vì bị xen lẫn nên đều thành yếu đuối, hao tổn. Người bụng không bị bệnh, thông thường có cái ăn, tất cả thân đều có ích không bị tổn hại.

Cũng thế, nếu có người đối với không phải diệt, giả dối cho là diệt sinh tham ái, vì sự cấu uế nối tiếp, nên đối với tà kiến, v.v... sanh khởi ngờ vực, oán ghét, đều gọi là duyên thấy diệt dứt. Pháp tà kiến, v.v... sanh khởi giận dữ. Nếu có người đúng như lý đối với chân diệt, biết là chân diệt không có tham ái, vì tịnh chấp nhận, nên đã cảm thấy nhàm trái ở trong tà kiến, v.v... chân thật diệt, đều không có lỗi.

Nếu đối với chánh kiến biết có Niết-bàn, đã khởi giận dữ, thì thuộc về đối tượng dứt nào của kiến?

Điều này không nên trách cứ, vì giận, đối tượng dứt của kiến, về lý không chấp nhận duyên pháp thiện, vì thế, nên chánh kiến duyên pháp thiện này, chắc chắn do tu dứt. Nhưng người đã kiến đế, ở đây không còn hành duyên chê bai kiến diệt, vì tham đã dứt hẳn. Thà không tin có duyên sân vô lậu, lẽ nào không là sân này, thế gian hiện biết có? Nghĩa là ngoại đạo nói: Trong Niết-bàn dứt hẳn các căn là vì rất hao tổn, yếu đuối, nên đối với Niết-bàn này, chắc chắn không ưa mong cầu. Vì đối tượng này vốn chẳng phải sân, mà là vì tà kiến nên luận này đã nói: Đối với vui chấp khổ là thuộc về tà kiến diệt dứt, lý hẳn nên như vậy, vì tất cả khổ, đến xứ Cực lạc, mới được diệt hẳn, xứ Cực lạc chỉ có Niết-bàn chân thật. Nói Cực lạc ở đây là nhằm biểu dương sáng tỏ vui của nghĩa vượt trội, mà ngoại đạo kia không thể hiểu rõ trạng thái vui này. Lại, vì không thể biết lỗi sinh tử, nên luôn đam mê các hữu, không ưa xuất ly, vì thế khởi tà kiến không nhập Niết-bàn, thà chấp Niết-bàn- này là duyên diệt giận dữ.